ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG AN DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 112 /QĐ-UBND	*An Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch đầu tư công phường năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố về việc giao kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường An Dương về Kế hoạch đầu tư công phường An Dương năm 2026; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của hội đồng nhân dân phường về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công phường năm 2026 (Lần 1);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 22/TTr-KTHTĐT ngày 30 tháng 01 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch vốn đầu tư công phường An Dương năm 2026 với những nội dung sau:

- Điều chỉnh số lượng dự án, danh mục dự án dự kiến đầu tư gồm 07 dự án, điều chỉnh thành 08 dự án.

- Điều chỉnh phương án phân bổ vốn (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Thông báo chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án để triển khai thực hiện kế hoạch vốn được giao.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực III, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường An Dương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Tiến Phong

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc phường;
- Kho bạc NN khu vực III;
- Lưu: VT.

Mẫu số 01.b/PB

PHỤ LỤC II: PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG ĐIỀU CHỈNH NĂM 2026 (LẦN 1)

(Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường An Dương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến xã)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (Theo Thông báo số 681/TB-VP ngày 27/11/2025 của UBND thành phố)	Ước luỹ kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không gao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Phân theo nguồn vốn		Trong đó:		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Nguồn hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố (Nguồn XDCB tập trung)	Nguồn vốn ngân sách phường được điều tiết từ số thu tiền sử dụng đất	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG								**68.810,721**	**68.810,721**	**63.873,708**	-	**63.873,708**	-	-	**63.873,708**	**63.873,708**	**63.873,708**	**41.993,708**	**21.880**			
A1	**Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo cơ cấu nguồn vốn chưa phân bổ**										**63.873,708**		**63.873,708**	-	-	-	**63.873,708**	-	-	-			
-	Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành										41.993,708		41.993,708				41.993,708	-					
-	Nguồn vốn ngân sách phường được điều tiết từ số thu tiền sử dụng đất										21.880,000		21.880,000				21.880,000	-					
A2	**Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực**								**68.810,721**	**68.810,721**	**63.873,708**	-	-	-	-	**63.873,708**		**63.873,708**	**41.993,708**	**21.880**			
1	**Lĩnh vực giao thông**								**66.396,673**	**66.396,673**	**61.559,660**	-	-	-	-	**61.559,660**		**61.559,660**	**39.679,660**	**21.880**			
1.1	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Thị trấn (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180343	292	2026-2027	QĐ số 56 ngày 20/01/2026	9.625,036	9.625,036	9.595,036					9.595,036		9.595,036	6.909,036	2.686			
1.2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Tân Tiến (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180299	292	2026-2027	QĐ số 57 ngày 20/01/2026	20.990,608	20.990,608	16.333,595					16.333,595		16.333,595	7.117,595	9.216			
1.3	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Đặng Cương (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180300	292	2026-2027	QĐ số 58 ngày 20/01/2026	9.817,245	9.817,245	9.787,245					9.787,245		9.787,245	7.047,245	2.740			
1.4	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Quốc Tuấn (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180302	292	2026-2027	QĐ số 59 ngày 20/01/2026	6.382,954	6.382,954	6.352,954					6.352,954		6.352,954	4.574,954	1.778			
1.5	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Lê Lợi (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180303	292	2026-2027	QĐ số 60 ngày 20/01/2026	5.167,614	5.167,614	5.137,614					5.137,614		5.137,614	3.699,614	1.438			
1.6	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Nam Sơn (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180304	292	2026-2027	QĐ số 61 ngày 06/01/2026	8.035,751	8.035,751	8.005,751					8.005,751		8.005,751	5.764,751	2.241			
1.7	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ một số tuyến đường khu vực Bắc Sơn (cũ)	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180305	292	2026-2027	QĐ số 62 ngày 20/01/2026	6.377,465	6.377,465	6.347,465					6.347,465		6.347,465	4.566,465	1.781			
2	***Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể***								**2.414,048**	**2.414,048**	**2.314,048**	-	-	-	-	**2.314,048**		**2.314,048**	**2.314,048**	-			
2.1	Dự án cải tạo, chỉnh trang các khu vực bỏ phiếu phục vụ Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	Phường An Dương	KBNN KV III	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Dương	8180306	341	2026-2027	QĐ số 03 ngày 06/01/2026	2.414,048	2.414,048	2.314,048					2.314,048		2.314,048	2.314,048	-			
3	**Trình HĐND phường phân bổ sau cho các dự án đủ điều kiện theo quy định**																						

Phụ lục I:

ĐIỀU CHỈNH TỔNG NGUỒN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VỐN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường An Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Nguồn hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố (Nguồn XDCB tập trung)	Nguồn vốn ngân sách phường được điều tiết từ số thu tiền sử dụng đất	
I	**TỔNG NGUỒN VỐN**	**63.873,708**	**41.993,708**	**21.880,000**	
1	Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành	41.993,708	41.993,708		
2	Nguồn vốn ngân sách phường được điều tiết từ số thu tiền sử dụng đất	21.880,000		21.880,000	
II	**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VỐN**	**63.873,708**	**41.993,708**	**21.880,000**	
1	Bố trí vốn các dự án khởi công mới, vốn chuẩn bị đầu tư và dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí giải phóng mặt bằng	63.873,708	41.993,708	21.880,000	